

Số: 162/QĐ-UBND

Sơn Trà, ngày 26 tháng 8 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt Dự án chăn nuôi bò cái nội sinh sản
của nhóm cộng đồng thôn Đông, xã Sơn Trà, huyện Trà Bồng**
(Thuộc nguồn vốn Chương trình mục tiêu quốc gia
phát triển KT-XH vùng đồng bào DTTS & MN năm 2024)

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ SƠN TRÀ

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Quyết định số 1719/QĐ-TTg ngày 14/10/2021 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025;

Căn cứ Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19/4/2022 của Chính phủ quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia;

Căn cứ Nghị định số 38/2023/NĐ-CP ngày 24/6/2023 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19/4/2022 của Chính phủ quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-UBND ngày 30/6/2022 của Ủy ban Dân tộc Hướng dẫn thực hiện một số dự án thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025;

Căn cứ Thông tư số 02/2023/TT-UBND ngày 21/8/2023 của Ủy ban Dân tộc về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 02/2022/TT-UBND ngày 30/6/2022 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban Dân tộc hướng dẫn thực hiện một số dự án thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025;

Căn cứ Thông tư số 55/2023/TT-BTC ngày 18/8/2023 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí sự nghiệp từ nguồn ngân sách nhà nước thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021 - 2025;

Căn cứ Thông tư số 40/2017/TT-BCT ngày 01/7/2017 của Bộ Tài chính quy

định về chế độ công tác phí, chế độ Hội nghị;

Căn cứ Nghị quyết số 27/2022/NQ-HĐND ngày 11/11/2022 của HĐND tỉnh Quảng Ngãi quy định nội dung hỗ trợ, mẫu hồ sơ, trình tự, thủ tục lựa chọn dự án, kế hoạch, phương án sản xuất, lựa chọn đơn vị đặt hàng trong thực hiện các hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi;

Căn cứ Nghị quyết số 19/2023/NQ-HĐND ngày 21/7/2023 của HĐND tỉnh Quảng Ngãi về việc sửa đổi bổ sung một số điều của Nghị quyết số 27/2022/NQ-HĐND ngày 11/11/2022 của HĐND tỉnh Quảng Ngãi quy định nội dung hỗ trợ, mẫu hồ sơ, trình tự, thủ tục lựa chọn dự án, kế hoạch, phương án sản xuất, lựa chọn đơn vị đặt hàng trong thực hiện các hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi;

Căn cứ Quyết định số 1433/QĐ-UBND ngày 28/9/2023 của UBND tỉnh Quảng Ngãi về việc ban hành định mức kỹ thuật một số cây trồng, vật nuôi, vật tư áp dụng trong lĩnh vực nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi;

Căn cứ Quyết định số 20/2023/QĐ-UBND ngày 19/5/2023 của UBND tỉnh Quảng Ngãi về việc ban hành quy định cơ chế quay vòng một phần kinh phí hỗ trợ bằng tiền để luân chuyển trong cộng đồng theo từng dự án, phương án hỗ trợ phát triển sản xuất cộng đồng thuộc các Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi;

Căn cứ Quyết định số 214/QĐ-UBND ngày 08/3/2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi về việc phân bổ vốn sự nghiệp thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi năm 2024 từ nguồn vốn ngân sách Trung ương và đối ứng ngân sách tỉnh;

Căn cứ Quyết định số 5123/QĐ-UBND ngày 12/12/2022 của UBND huyện Trà Bồng phê duyệt Danh mục định hướng về phát triển sản xuất theo chuỗi giá trị và cộng đồng;

Căn cứ Quyết định số 1347/QĐ-UBND ngày 19/3/2024 của UBND huyện Trà Bồng về việc phân bổ vốn sự nghiệp thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi năm 2024 (Nguồn vốn: Ngân sách TW, vốn đối ứng ngân sách tỉnh);

Căn cứ Quyết định số 2949/QĐ-UBND ngày 19/7/2023 của UBND huyện Trà Bồng về việc ủy quyền phê duyệt dự án các dự án hỗ trợ phát triển sản xuất, dịch vụ do cộng đồng dân cư đề xuất thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển KT-XH vùng đồng bào DTTS và miền núi giai đoạn 2021 - 2025 trên địa bàn huyện Trà Bồng;

Căn cứ Quyết định số 114a/QĐ-UBND ngày 21/6/2024 của UBND xã Sơn Trà về việc phê duyệt danh sách nhóm cộng đồng thôn Đông, xã Sơn Trà thuộc Dự án 3 Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi năm 2024;

Căn cứ Quyết định số 115/QĐ-UBND ngày 01/7/2024 của UBND xã Sơn Trà về việc phân bổ vốn sự nghiệp thực hiện Tiểu Dự án 2 - Dự án 3, Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi năm 2024;

Căn cứ Báo cáo số 126/BC-TTĐ ngày 22/8/2024 của Tổ thẩm định huyện về kết quả thẩm định dự án chăn nuôi bò cái nội sinh sản của nhóm cộng đồng thôn Đông, xã Sơn Trà, huyện Trà Bồng;

Xét đề nghị của công chức Địa chính Nông nghiệp – Xây dựng và Môi trường xã,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Dự án chăn nuôi bò cái nội sinh sản của nhóm cộng đồng thôn Đông, xã Sơn Trà (*Thuộc nguồn vốn Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển KT-XH vùng đồng bào DTTS & MN năm 2024*), với các nội dung sau:

I. Mục tiêu Dự án:

- Góp phần giải quyết việc làm tạo thu nhập cho 08 hộ dân trên địa bàn cộng đồng thôn Đông, xã Sơn Trà. Sau khi kết thúc dự án, dự kiến có 06 hộ thoát nghèo, 02 hộ thoát cận nghèo một cách bền vững, có nguồn thu nhập ổn định và phát triển kinh tế.

- Nâng cao nhận thức, dần thay đổi tập quán cho người chăn nuôi, phát triển chăn nuôi theo hướng bền vững, tăng số lượng tổng đàn bò trên địa bàn.

II. Thông tin chung về dự án:

1. Tên dự án: Dự án chăn nuôi bò cái nội sinh sản của nhóm cộng đồng thôn Đông, xã Sơn Trà.

2. Địa điểm thực hiện: Cộng đồng thôn Đông, xã Sơn Trà, huyện Trà Bồng, tỉnh Quảng Ngãi.

3. Thời gian thực hiện: 24 tháng, thời gian bắt đầu tháng 7/2024; kết thúc tháng 7/2026.

4. Đơn vị quản lý, thực hiện dự án

4.1. Đơn vị quản lý (Chủ đầu tư): Ủy ban nhân dân xã Sơn Trà.

4.2. Đơn vị thực hiện: Nhóm cộng đồng thôn Đông, xã Sơn Trà được công nhận tại Quyết định số 114a/QĐ-UBND ngày 21/6/2024 của UBND xã Sơn Trà. Trưởng nhóm cộng đồng là ông Hồ Văn Sỹ.

5. Đối tượng và số hộ tham gia dự án: Tổng số hộ tham gia dự án 08 hộ (*Trong đó: 06 hộ nghèo, 02 hộ cận nghèo*), đối tượng đảm bảo theo quy định tại khoản 5, Điều 20, Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19/4/2022 của Chính phủ.

(Cụ thể có danh sách kèm theo)

6. Quy mô thực hiện: Ngân sách nhà nước hỗ trợ 24 con bò (23 con bò cái mỗi con có trọng lượng hỗ trợ ≥ 165 kg/con, 01 con bò đực có trọng lượng hỗ trợ ≥ 310 kg/con) 3.500 kg giống cỏ VA06 cho 08 hộ tham gia.

7. Phương thức hỗ trợ: Hỗ trợ trực tiếp con giống, giống cỏ cho các hộ tham gia dự án.

8. Phương thức mua sắm và đầu mối mua sắm giống, vật tư hỗ trợ từ ngân sách nhà nước:

UBND xã Sơn Trà thực hiện việc mua sắm theo quy định của pháp luật về đấu thầu (*trường hợp 2, Khoản 2 Điều 3 Thông tư 55/2023/TT-BTC ngày 15/8/2023*) và bàn giao bò cái nội sinh sản cho đại diện cộng đồng theo hợp đồng đã ký kết với đại diện cộng đồng.

9. Tổng kinh phí thực hiện và nguồn kinh phí

9.1. Tổng kinh phí thực hiện Dự án: 500.000.000 đồng (*bằng chữ: Năm trăm triệu đồng*). Trong đó:

a. Vốn ngân sách: 460.000.000 đồng (*Vốn NSTW: 400.000.000 đồng; vốn NS tỉnh: 40.000.000 đồng; vốn NS huyện: 20.000.000 đồng*), chiếm tỷ lệ 92%.

+ Kinh phí mua con giống: 422.815.000 đồng.

+ Hỗ trợ giống cỏ VA06: 15.400.000 đồng.

+ Chi phí xây dựng và quản lý dự án (3,2%): 15.985.000 đồng.

+ Hỗ trợ chi phí tập huấn kỹ thuật theo nhu cầu: 2.800.000 đồng;

+ Chi hỗ trợ cán bộ hướng dẫn thực hiện dự án: 3.000.000 đồng.

b. Vốn người dân đối ứng: 40.000.000 đồng (*chi phí làm chuồng trại*), chiếm tỷ lệ 8%.

(*Có phụ lục dự toán kèm theo*)

Ghi chú: Đơn giá giống, vật tư tại chứng thư thẩm định giá số 240172.1/CNQ. VIETTIN JSC ngày 25/6/2024 của Công ty Cổ phần thẩm định giá Việt Tín chi nhánh Quảng Ngãi là giá trần, tham khảo để xây dựng dự án. Trong quá trình thực hiện dự án, đơn vị thực hiện lựa chọn đơn vị cung ứng có giá cả phù hợp để cung ứng giống và vật tư cho hộ tham gia dự án.

9.2. Kinh phí thực hiện

Theo Quyết định số 1347/QĐ-UBND ngày 19/3/2024 của UBND huyện Trà Bồng về việc phân bổ vốn sự nghiệp thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi năm 2024 và Quyết định 115/QĐ-UBND ngày 01/7/2024 của UBND xã Sơn Trà về việc phân bổ vốn sự nghiệp thực hiện Tiểu Dự án 2 - Dự án 3, Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi năm 2024.

III. Các hoạt động chính của dự án

1. Tập huấn theo nhu cầu cho các hộ tham gia dự án

Số lần tập huấn 1 lần, số người tham gia 8 người. Nội dung và định mức chi theo Thông tư số 40/2017/TT-BTC ngày 28/4/2017 của Bộ Tài chính và Nghị quyết số 46/2017/NQ-HĐND ngày 29/9/2017 của HĐND tỉnh Quảng Ngãi.

2. Hỗ trợ giống, vật tư, nguyên vật liệu

2.1. Ngân sách nhà nước hỗ trợ

- Bò cái giống: Số lượng 24 con bò (23 con bò cái, 01 con bò đực). Tiêu chuẩn con giống phải đảm bảo theo quy định tại Quyết định số 1433/QĐ-UBND ngày 28/9/2023 của UBND tỉnh Quảng Ngãi về việc ban hành định mức kỹ thuật một số cây trồng, vật nuôi, vật tư áp dụng trong lĩnh vực nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi, cụ thể: Trọng lượng con giống ≥ 165 kg/con bò cái, ≥ 310 kg/con, bò khỏe mạnh, không dị tật, dị hình, có nguồn gốc, xuất xứ rõ ràng, được tiêm phòng đầy đủ các loại vắc xin theo quy định, đủ tiêu chuẩn làm giống.

- Giống cỏ VA06: Số lượng hỗ trợ 3.500 kg (145,84 kg/con bò), cỏ phải đảm bảo tiêu chuẩn không bị dập nát, có lá bẹ theo thân, đủ tiêu chuẩn làm giống.

2.2. Phần đối ứng của hộ dân tham gia dự án: chuồng trại chăn nuôi nội dung đối ứng của hộ tham gia dự án do UBND xã Sơn Trà, nhóm trưởng nhóm cộng đồng, cán bộ phụ trách theo dõi dự án chịu trách nhiệm kiểm tra, giám sát đảm bảo đúng quy định trước khi cấp con giống.

3. Hỗ trợ cán bộ theo dõi, hướng dẫn thực hiện dự án

Định mức chi tại điểm a Khoản 3 Điều 12 Thông tư số 55/2023/TT-BTC ngày 15/8/2023 của Bộ Tài chính.

4. Chi phí xây dựng và quản lý dự án

Nội dung và định mức chi thực hiện theo Khoản 13, Điều 4, Thông tư số 55/2023/TT-BTC ngày 15/8/2023 của Bộ Tài chính.

5. Hình thức luân chuyển, cách thức quản lý tiền luân chuyển quay vòng một phần kinh phí hỗ trợ trong cộng đồng

- Hình thức thu hồi để quay vòng: Bằng tiền mặt.

- Tỷ lệ % quay vòng vốn: Là 5% tổng kinh phí ngân sách nhà nước hỗ trợ, mức kinh phí thu hồi theo Dự án: 23.000.000 đồng/08 hộ (số tiền thu hồi để quay vòng, sẽ được chuẩn xác sau khi kết thúc thực hiện các hoạt động chi của dự án), cụ thể số tiền của từng hộ được thể hiện trong danh sách kèm theo.

- Thời gian thu hồi (nộp tiền quay vòng): Sau khi kết thúc dự án 01 tháng, (25 tháng) hộ tham gia dự án có trách nhiệm nộp tiền quay vòng theo quy định.

- Cách thức quản lý tiền luân chuyển: Đối tượng tham gia dự án nộp lại kinh phí phải thu hồi theo quy định vào tài khoản tiền gửi của UBND xã mở tại Kho bạc nhà nước để sử dụng quay vòng theo quy định, nhóm trưởng có trách nhiệm thu và nộp vào tài khoản tiền gửi của UBND xã. Cộng đồng tự quản lý, tổ chức thực hiện việc quay vòng, luân chuyển vốn trong cộng đồng.

- Trình tự luân chuyển, quay vòng: thực hiện theo quy định tại Khoản 2

Điều 4 Quyết định số 20/2023/QĐ-UBND ngày 19/5/2023 của UBND tỉnh Quảng Ngãi.

IV. Dự kiến hiệu quả kinh tế, kết quả đầu ra và tác động của dự án

1. Hiệu quả kinh tế

Sau 24 tháng thực hiện dự án, mỗi con bò mẹ sẽ sinh ra 01 con nghé và mang thai lứa thứ hai hoặc có con đẻ lứa thứ 2. Như vậy, mỗi hộ nhận hỗ trợ ban đầu 3 con bò, sau 24 tháng nuôi có ít nhất là 6 -9 con bò góp phần tăng tổng đàn bò trên địa bàn huyện Trà Bồng và tăng thu nhập cho hộ gia đình, giúp các hộ thoát nghèo một cách bền vững.

2. Dự kiến kết quả đầu ra của sản phẩm trong dự án

Sản phẩm đầu ra của dự án là bê hương sinh sản và bê thịt sẽ bán trực tiếp cho thương lái trong và ngoài huyện.

V. Trách nhiệm của nhóm cộng đồng tham gia dự án.

1. Đối với nhóm trưởng, cộng đồng dân cư thực hiện dự án:

- Cộng đồng dân cư quản lý, tổ chức triển khai thực hiện các nội dung hoạt động của dự án khi được phê duyệt đảm bảo tiến độ và hiệu quả, đúng quy định; tổng hợp, báo cáo kết quả thực hiện dự án định kỳ 6 tháng, hằng năm và tổng kết, gửi UBND cấp xã tổng hợp, báo cáo UBND cấp huyện.

- Có trách nhiệm thu hồi tiền quay vòng của hộ tham gia dự án, quản lý tổ chức thực hiện việc quay vòng, để tiếp tục luân chuyển vốn trong cộng đồng. Trường hợp cộng đồng không đủ năng lực quản lý thì báo cáo UBND xã biết để cán bộ hỗ trợ cộng đồng quản lý.

- Chịu trách nhiệm về đối tượng, nội dung đối ứng của hộ tham gia dự án.

2. Đối với hộ gia đình tham gia dự án.

- Cam kết thực hiện đầy đủ các nội dung, quy định của dự án, trong đó cam kết nộp số tiền quay vòng theo dự án đã được phê duyệt để thực hiện luân chuyển cho các đối tượng thụ hưởng khác.

- Xây dựng chuồng trại trước khi nhận giống, đảm bảo diện tích cỏ trồng tối thiểu là 500 m² và chăm sóc nuôi dưỡng con giống theo hướng dẫn kỹ thuật.

Điều 2. Tổ chức thực hiện.

1. Giao công chức Tài chính – Kế toán phối hợp với công chức Văn phòng – Thống kê, Địa chính Nông nghiệp – Xây dựng & Môi trường xã tham mưu Chủ tịch UBND xã ký hợp đồng với người đại diện cộng đồng để triển khai thực hiện Dự án có hiệu quả; tổ chức lựa chọn nhà thầu đảm bảo theo quy định của Luật đấu thầu; quản lý số tiền quay vòng của cộng đồng dân cư theo quy định và mở sổ theo dõi theo dõi riêng các khoản quay vòng, luân chuyển, thực hiện công khai tài chính đối với việc thu hồi, quản lý và sử dụng kinh phí thu hồi để quay vòng theo quy định của pháp luật.

2. Giao công chức Địa chính Nông nghiệp – Xây dựng & Môi trường: Tổ chức kiểm tra chuồng trại, diện tích trồng cỏ của các hộ dân tham gia dự án trước khi cấp con giống.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 4. Các công chức Văn phòng – Thống kê, Tài chính – Kế toán, Địa chính NN-XD&MT, các ban, ngành có liên quan và nhóm cộng đồng thôn Đông, xã Sơn Trà chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Tổ thẩm định huyện;
- Phòng Dân tộc huyện;
- Thường trực Đảng ủy xã;
- Thường trực HĐND xã;
- Mặt trận TQVN xã;
- Các Hội đoàn thể xã;
- CT, các PCT UBND xã;
- Như điều 4;
- Lưu: VT.



CHỦ TỊCH

Hồ Văn Bài

**DỰ TOÁN KINH PHÍ THỰC HIỆN DỰ ÁN CHĂN NUÔI BÒ CÁI NỘI SINH SẢN
NHÓM CỘNG ĐỒNG THÔN ĐÔNG, XÃ SƠN TRÀ**

(Kèm theo Quyết định số 162/QĐ-UBND ngày 26/8/2024 của UBND xã Sơn Trà)

TT	Nội dung hỗ trợ	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền (đồng)	Chia ra các nguồn			
						Ngân sách Trung ương	Ngân sách Tỉnh	Ngân sách Huyện	Đổi ứng của người dân
I	Hỗ trợ chi tập huấn kỹ thuật theo nhu cầu	Dự án	1	2.800.000	2.800.000	2.434.000	243.400	121.700	
II	Hỗ trợ vật tư, nguyên liệu...				478.215.000	381.060.000	38.106.000	19.053.000	40.000.000
1	Hỗ trợ bò giống				422.815.000	367.670.000	36.767.000	18.383.500	
1.1	Bò cái vàng giống địa phương; (Trọng lượng \geq 165kg/con*103.000 đồng/kg)	Con	23	16.995.000	390.885.000				
1.2	Bò đực giống (Trọng lượng \geq 310kg/con*103.000 đồng)	Con	1	31.930.000	31.930.000				
2	Hỗ trợ cỏ giống VA06 (350kg/hộ*8 hộ)	Kg	2800	5.500	15.400.000	13.390.000	1.339.000	669.500	
3	Xây dựng chuồng trại chăn nuôi (diện tích tối thiểu 6m2/con)	Hộ	8	5.000.000	40.000.000				40.000.000
III	Chi phí hỗ trợ cán bộ trực tiếp đến tận hộ gia đình hướng dẫn thực hiện dự án	Dự án	1	3.000.000	3.000.000	2.606.000	260.600	130.300	
IV	Chi phí Chi xây dựng và quản lý dự án, kế hoạch, phương án, mô hình hỗ trợ phát triển sản xuất	Dự án	1		15.985.000	13.900.000	1.390.000	695.000	
Tổng cộng					500.000.000	400.000.000	40.000.000	20.000.000	

Tổng kinh phí thực hiện dự án:

500.000.000

đồng

9

<i>Ngân sách hỗ trợ:</i>	<i>460.000.000</i>	<i>đồng</i>	<i>Tỷ lệ:%</i>	<i>92,00</i>
<i>Hộ tham gia dự án đối ứng:</i>	<i>40.000.000</i>	<i>đồng</i>	<i>Tỷ lệ:%</i>	<i>8,00</i>

**DANH SÁCH NHÓM CỘNG ĐỒNG THÔN ĐÔNG, XÃ SƠN TRÀ
THAM GIA DỰ ÁN CHĂN NUÔI BÒ CÁI NỘI SINH SẢN**

(Kèm theo Quyết định số 162/QĐ-UBND ngày 26/8/2024 của UBND xã Sơn Trà)



TT	Họ tên người đại diện gia đình tham gia dự án	Năm sinh	Địa chỉ	Hộ gia đình thuộc diện	Mã hộ nghèo, cận nghèo	Số lượng và nội dung hỗ trợ						Kinh phí nộp quay vòng/hộ
						Bò cái giống (con)	Bò đực giống	Thành tiền	Cỏ (kg)	Thành tiền	Tổng cộng	
1	Hò Văn Sỹ	1980	Tổ 2, thôn Đông	Hộ nghèo	114	2		33.990.000	350	1.925.000	67.845.000	3.528.408
							1	31.930.000				
2	Hò Văn Giang	1990	Tổ 2, thôn Đông	Cận nghèo	55	3		50.985.000	350	1.925.000	52.910.000	2.781.656
3	Hò Văn Xuân	1975	Tổ 2, thôn Đông	Hộ nghèo	112	3		50.985.000	350	1.925.000	52.910.000	2.781.656
4	Hò Văn Thức	1993	Tổ 2, thôn Đông	Hộ nghèo	111	3		50.985.000	350	1.925.000	52.910.000	2.781.656
5	Hò Văn Thái	1989	Tổ 1, thôn Đông	Hộ nghèo	99	3		50.985.000	350	1.925.000	52.910.000	2.781.656
6	Hò Văn Chiến	1993	Tổ 4, thôn Đông	Hộ nghèo	130	3		50.985.000	350	1.925.000	52.910.000	2.781.656
7	Hò Văn Quý	1954	Tổ 4, thôn Đông	Cận nghèo	62	3		50.985.000	350	1.925.000	52.910.000	2.781.656
8	Hò Văn Hưng	1996	Tổ 4, thôn Đông	Hộ nghèo	122	3		50.985.000	350	1.925.000	52.910.000	2.781.656
Tổng cộng						23	1	422.815.000	2.800	15.400.000	438.215.000	23.000.000

